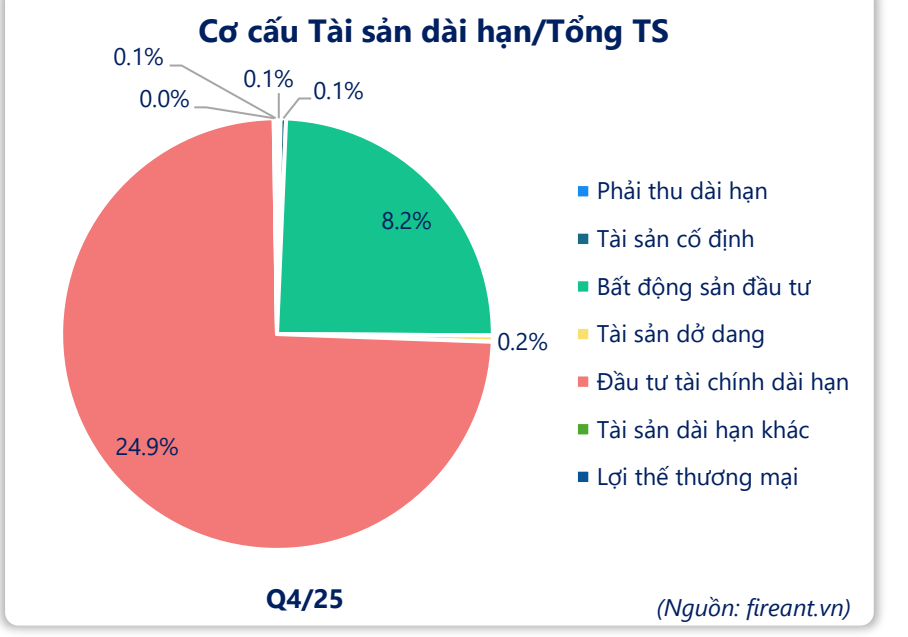
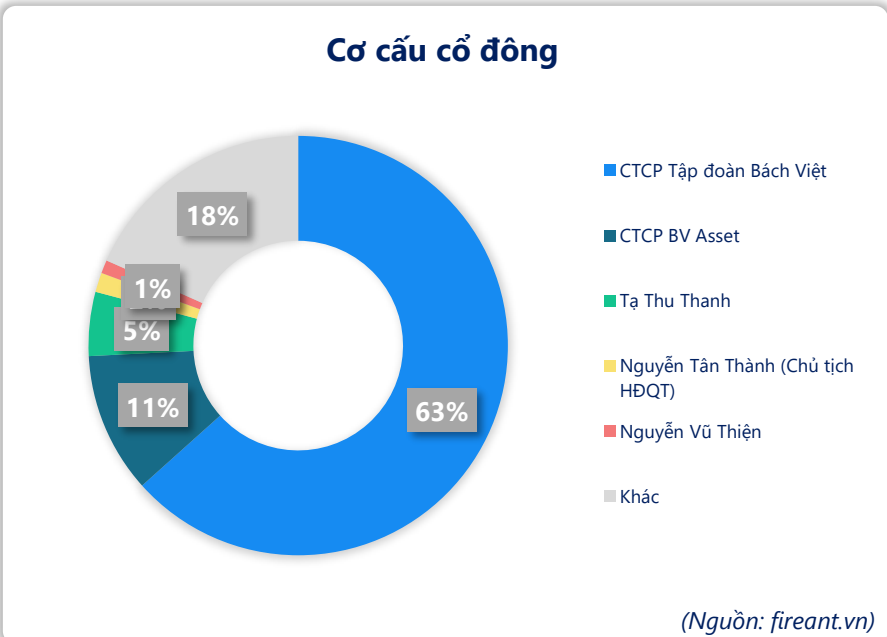
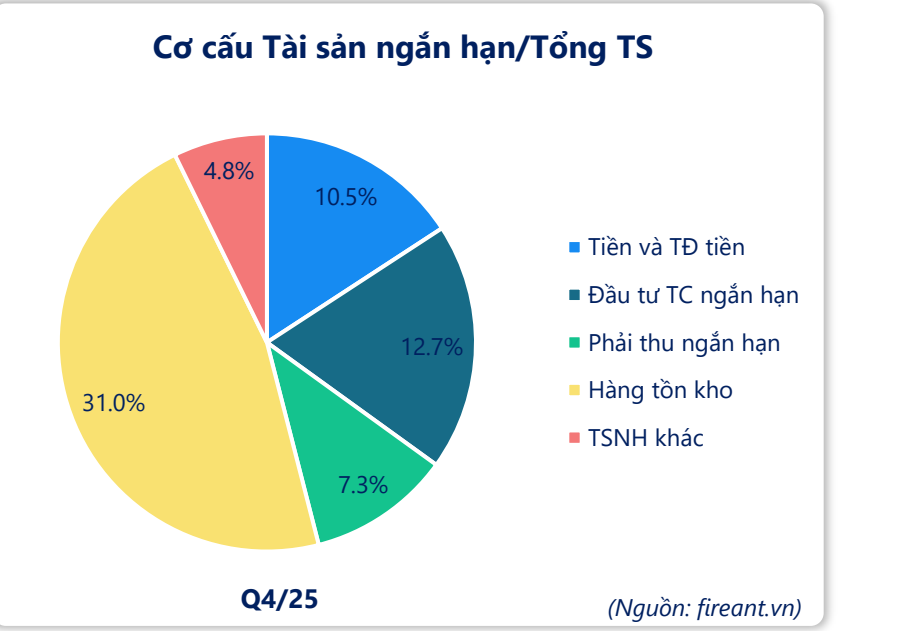
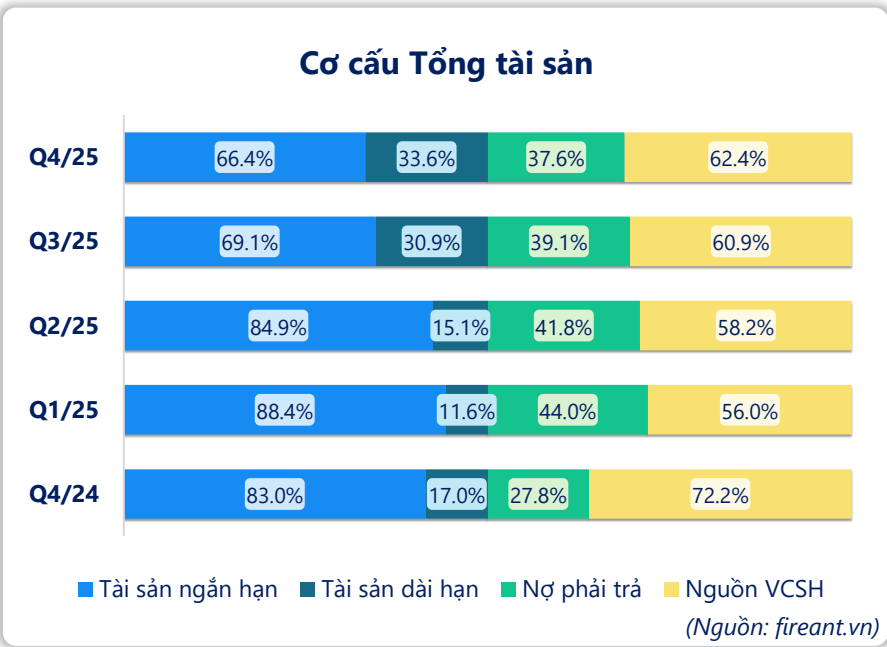
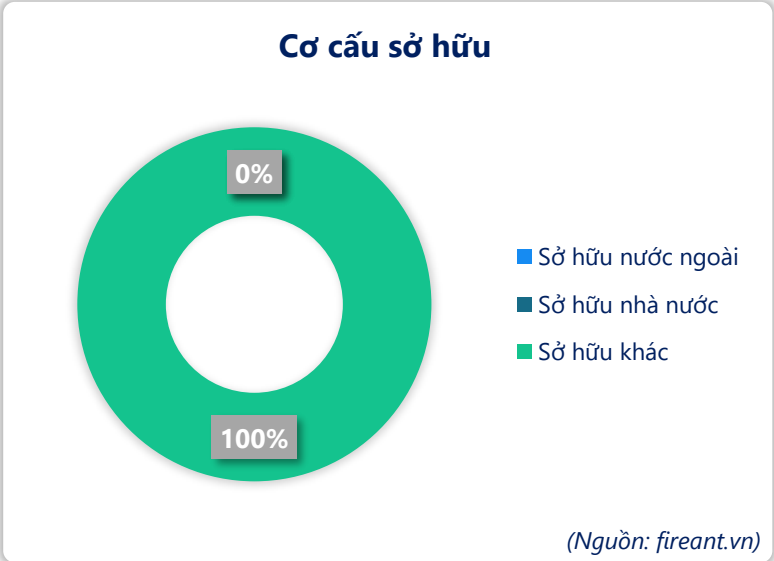
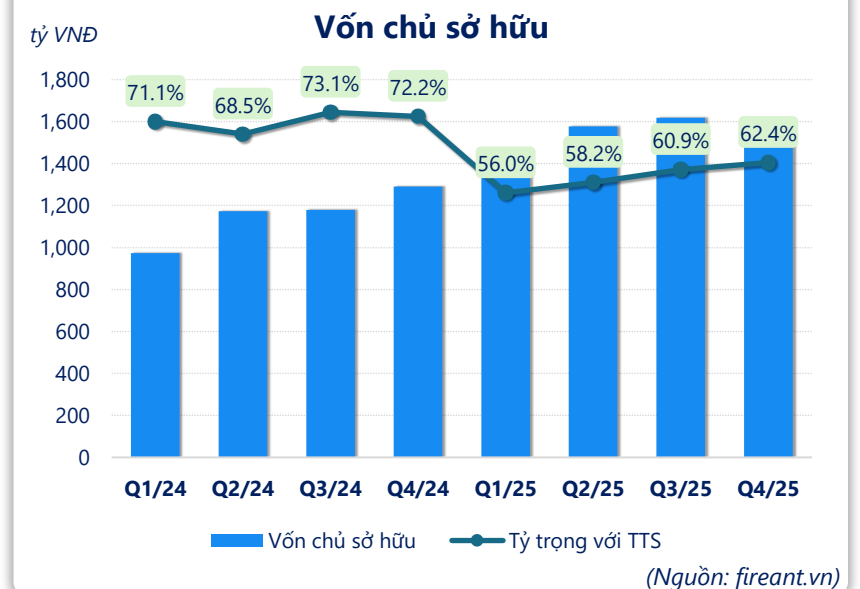
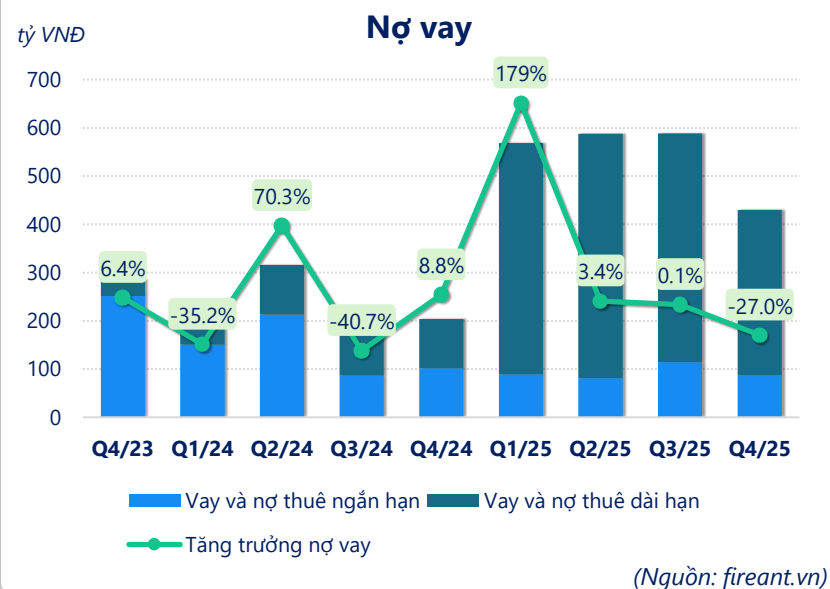
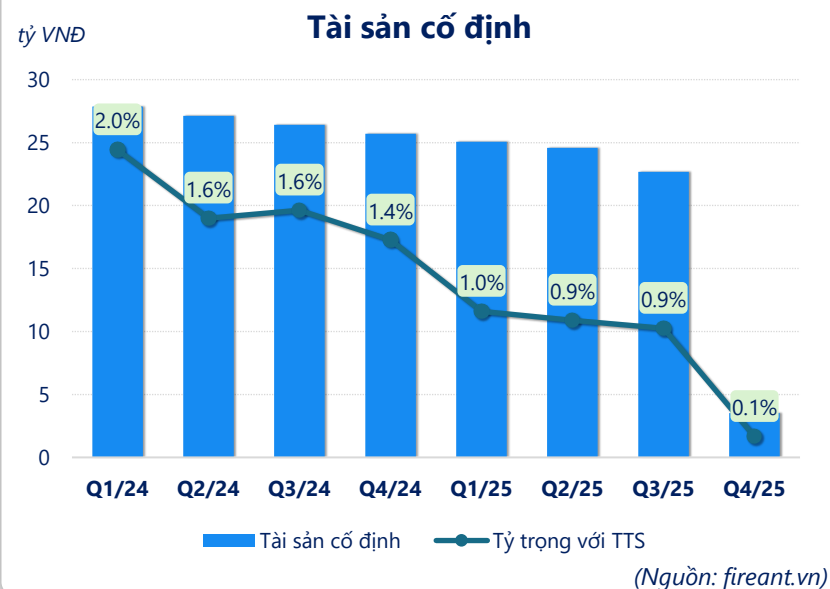
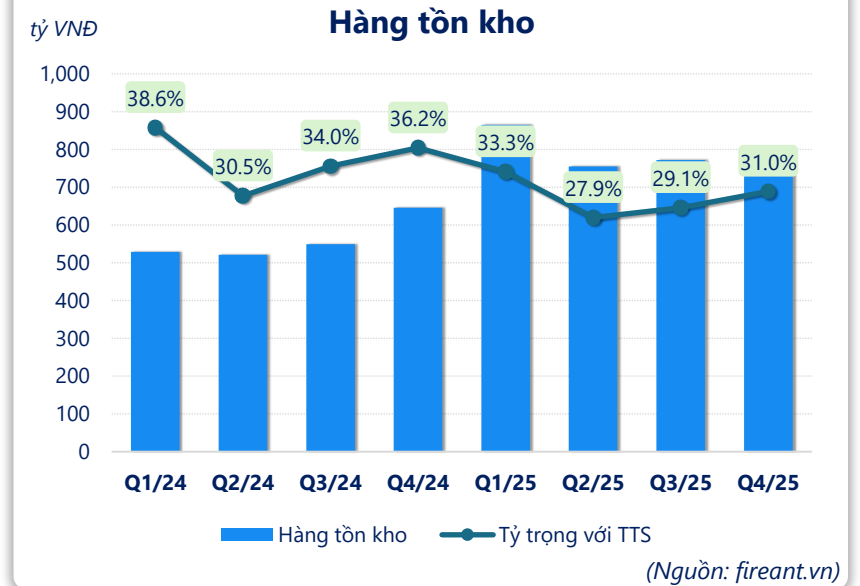
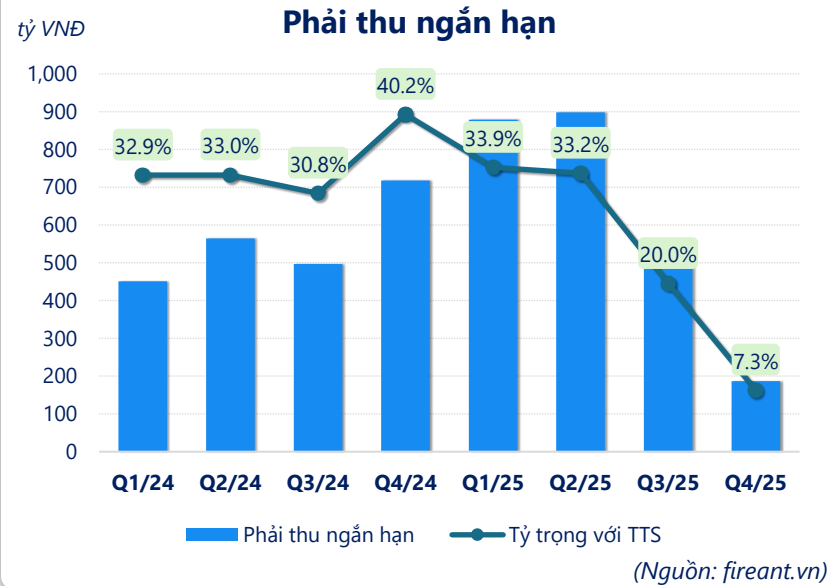
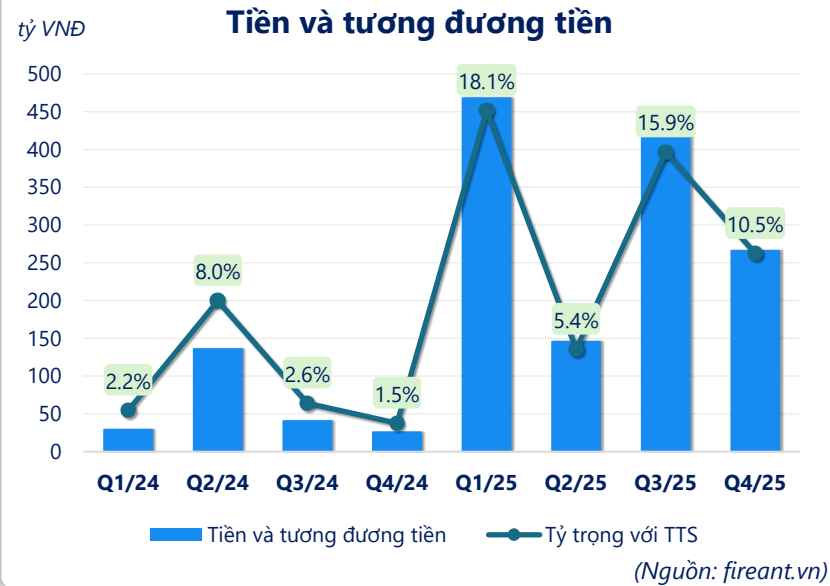
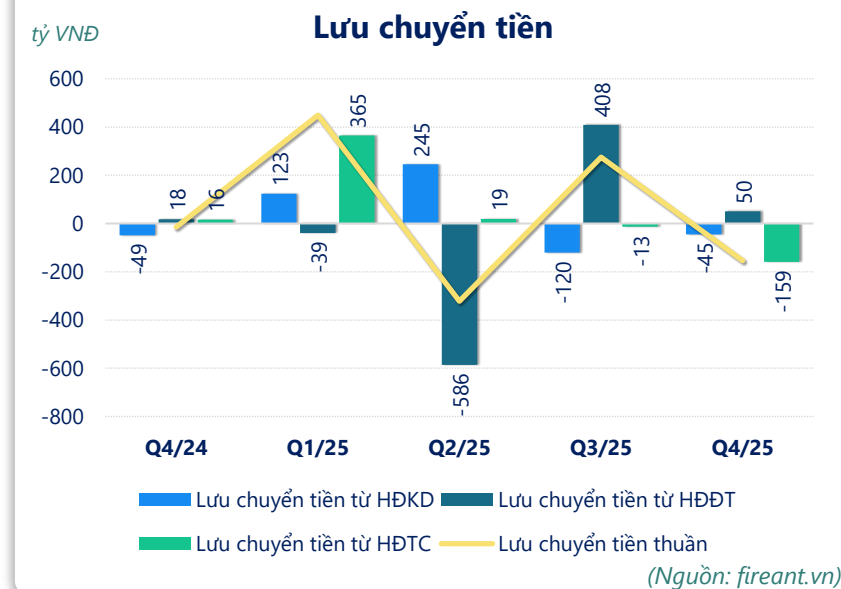
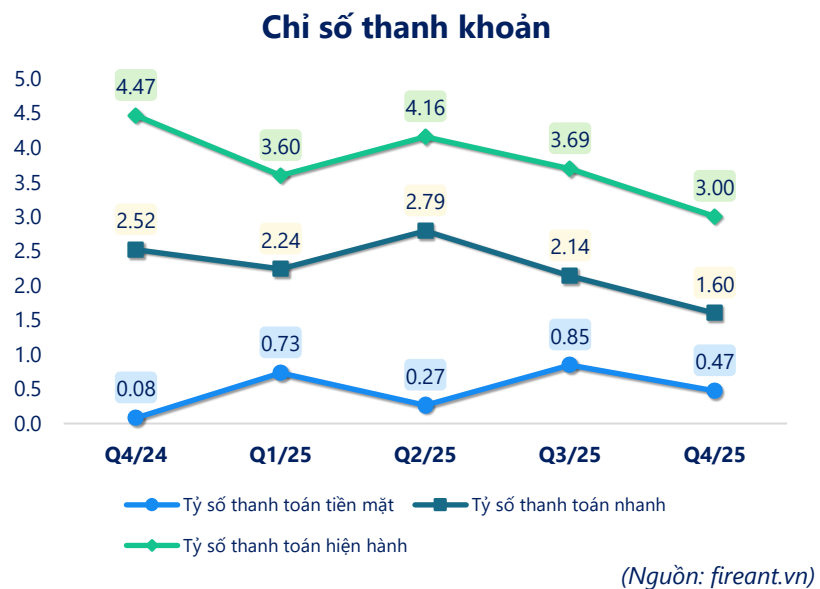
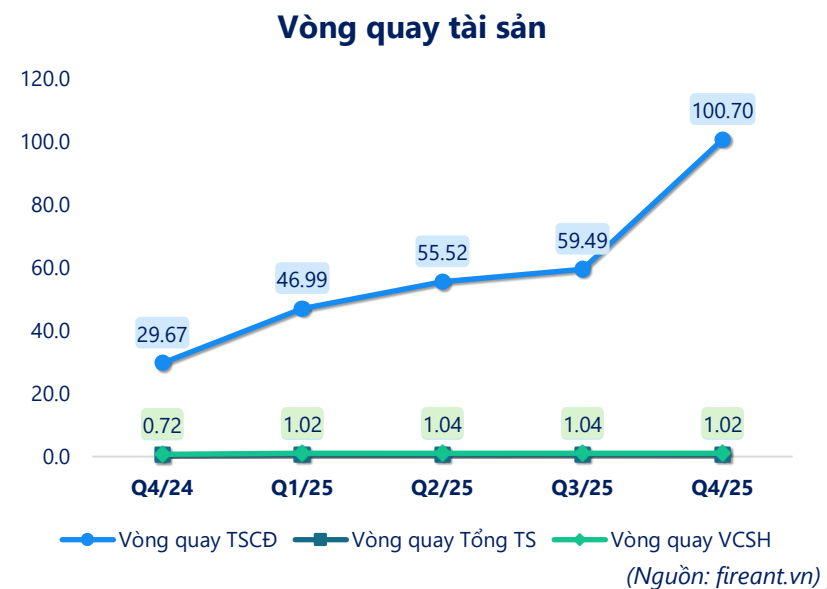
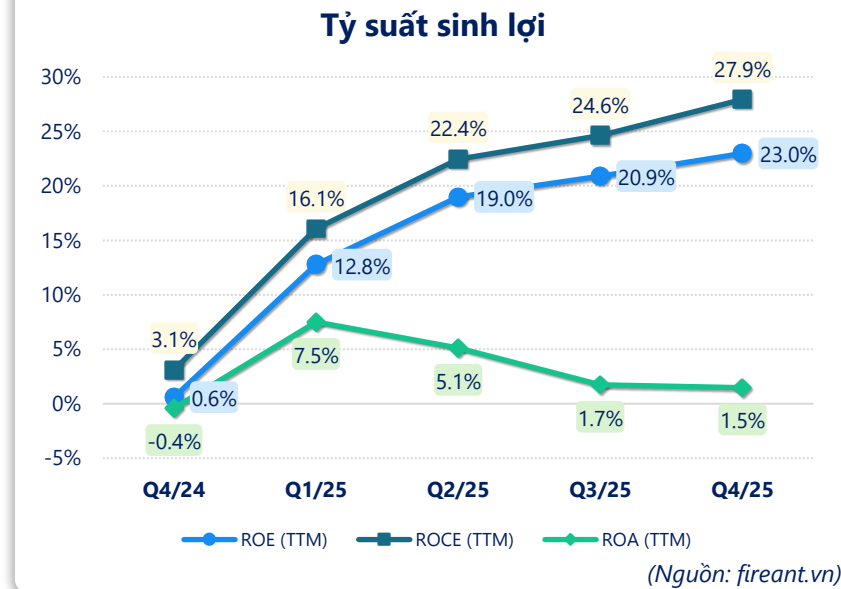
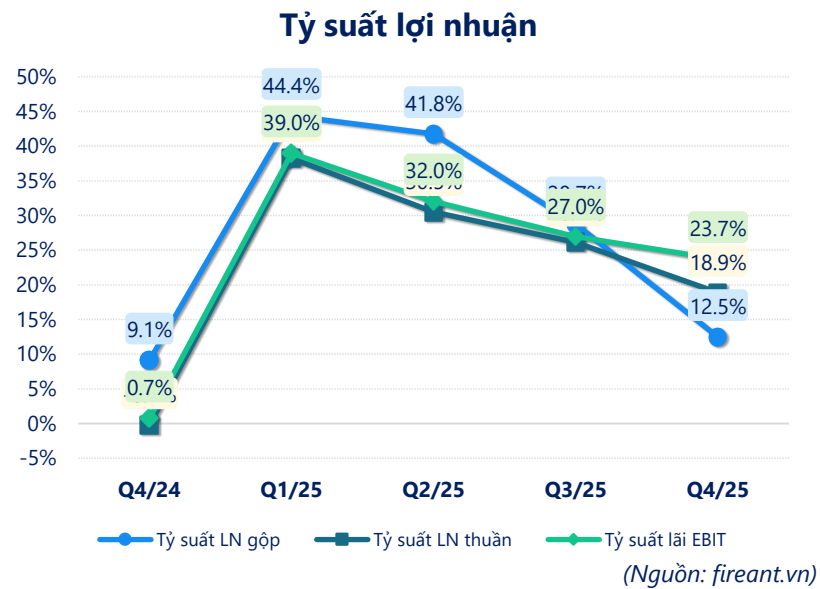
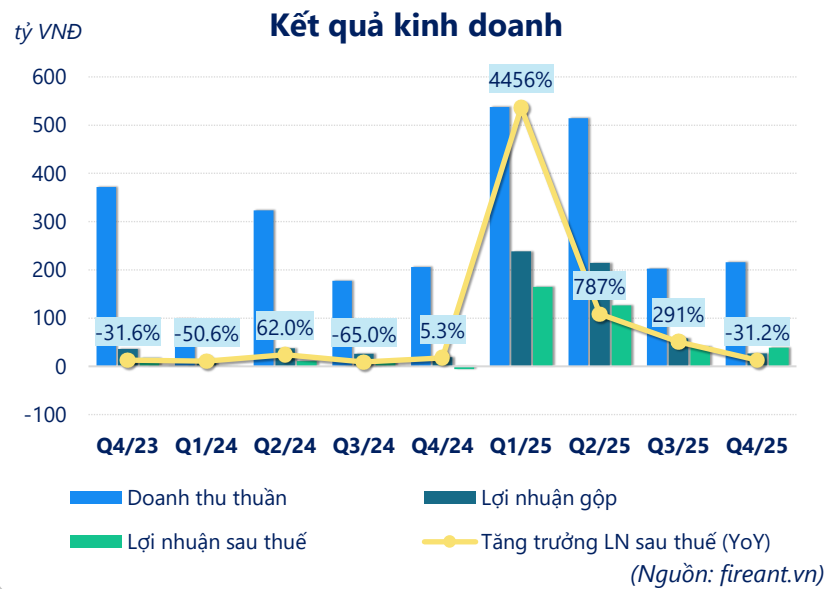


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,391
SL cổ phiếu LH		89,411,287
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,745
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,565
P/E		4.7
EPS		3,701

	YTD	1T	3T	6T
BVL	105.9%	-2.8%	-11.6%	18.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,546	1,788	42.4%
Tài sản ngắn hạn	1,690	1,484	13.9%
Tiền và tương đương tiền	267	19.8	1250%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	324	45.7	608%
Phải thu ngắn hạn	187	723	-74.2%
Hàng tồn kho	790	650	21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	123	46.1	166%
Tài sản dài hạn	856	304	182%
Phải thu dài hạn	2.28	7.04	-67.7%
Tài sản cố định	3.51	25.7	-86.3%
Bất động sản đầu tư	209	230	-9.1%
Tài sản dở dang	4.09	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	635	11.6	5354%
Tài sản dài hạn khác	0.46	1.25	-62.9%
Lợi thế thương mại	1.63	28.3	-94.2%
Nợ phải trả	956	499	91.7%
Nợ ngắn hạn	563	372	51.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.6	100	-12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.3	60.5	-15.2%
Nợ dài hạn	393	127	210%
Vay và nợ thuê dài hạn	342	104	231%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,590	1,289	23.3%
Vốn chủ sở hữu	1,590	1,289	23.3%
Vốn điều lệ	894	828	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	206	537	514	202	216
Giá vốn hàng bán	187	299	300	144	189
Lợi nhuận gộp	18.7	238	215	58.1	27.0
Doanh thu HĐTC	6.53	10.3	15.7	23.2	49.7
Chi phí TC	3.59	4.89	9.22	4.74	10.6
Chi phí lãi vay	1.86	3.30	6.93	2.12	9.87
LN trong công ty LKLD	0.13	-0.04	0.05	0.49	0.23
Chi phí bán hàng	6.83	30.2	53.6	15.1	11.3
Chi phí QLDN	15.5	8.13	10.8	9.09	14.1
LN thuần từ HĐKD	-0.48	206	157	52.8	40.9
Lợi nhuận khác	0.15	0.58	0.89	-0.40	0.58
LN trước thuế	-0.33	206	158	52.4	41.4
Lợi nhuận sau thuế	-5.87	164	126	41.5	38.4
LNST của CĐ cty mẹ	-6.57	149	113	36.9	32.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-48.6	123	245	-120	-45.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.5	-39.1	-586	408	49.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.5	365	19.1	-13.5	-159
Tiền đầu kỳ	41.5	19.8	469	147	421
Lưu chuyển tiền thuần	-14.6	449	-322	274	-154
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.9	469	147	421	267

(Nguồn: fireant.vn)